

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST  
Ngày: 28-04-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Ngọc Diệu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Văn Bé
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Thị Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh AG.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh AG tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2022/TLST-**DS** ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 123/2022/QĐST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà L T N T, sinh năm 1987; địa chỉ: số 48/7, tổ 29, khu 5, đường Võ Thành Long, phường Phú Cường, thành phố TD 1, tỉnh BD (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông P H N, sinh năm 1987; địa chỉ: Đông Thạnh A, phường Mỹ Thạnh, thành phố LX, tỉnh AG đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 11/02/2022); có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông TM H, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp Long Phú 1, xã Long Điền B, huyện CM, tỉnh AG (vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện và tự khai của bà L T N T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Do là bạn bè nên bà L T N T có cho ông TM H vay số tiền là 253.000.000 đồng, mục đích vay kinh doanh mua bán máy móc thiết bị cũ, sửa chữa lại kiếm lời, vay không lãi suất, thời hạn vay là 01 tháng, hình thức vay là chuyển khoản trên phần mềm Internet Banking từ tài khoản của bà T sang tài khoản số 1013471704 của ông TM H được mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam cụ thể như sau:

Ngày 15/5/2021 bà T chuyển tiền 02 lần vào tài khoản số 1013471704 của ông H với số tiền vay là 93.007.700 đồng;

Ngày 23/5/2021 bà T chuyển tiền vào tài khoản số 1013471704 cho H với số tiền vay là 50.005.500 đồng;

Ngày 16/6/2021 bà T chuyển tiền vào tài khoản số 1013471704 cho H với số tiền vay là 60.005.500 đồng;

Ngày 20/6/2021 bà T chuyển tiền vào tài khoản số 1013471704 cho H với số tiền vay là 50.005.500 đồng;

Tổng cộng 05 lần vay tiền, bà T chuyển khoản tiền vào số tài khoản của ông TM H là 253.000.000 đồng, khi đến thời hạn trả nợ ông H không thực hiện việc trả nợ. Vì vậy, bà L T N T yêu cầu ông TM H có trách nhiệm trả số tiền 253.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất phát sinh.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là tờ sao kê tài khoản của Ngân Hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam có xác nhận của của Ngân Hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương cung cấp.

*2. Bị đơn:* ông TM H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông TM H vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại phiên tòa:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ quan điểm như đã trình bày, và không giao nộp thêm tài liệu chứng cứ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy, căn cứ bà T khởi kiện là bảng sao kê tài khoản trong đó thể hiện đã chuyển khoản đến tài khoản số 1013471704 của ông H mở tại Ngân hàng Vietcombank, với tổng số tiền 253.000.000 đồng. Tại công văn số 1315 ngày 22/3/2022 của Ngân hàng Vietcombank, xác định tài khoản số

1013471704 của ông H, địa chỉ: ấp Long Phú 1, xã Long Điền B, huyện CM, tỉnh AG nên có cơ sở xác định giữa bà T và ông H có xác lập hợp đồng vay tài sản. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà T khởi kiện yêu cầu trả 253.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 463;466 Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L T N T, buộc ông TM H trả cho bà Lê Thị N gọc T 253.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về số tiền vay nên quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; và bị đơn có nơi cư trú huyện CM, tỉnh AG. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: ông TM H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông TM H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Giao dịch dân sự về hợp đồng vay tài sản được xác lập năm 2021, căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 157; 429 Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của các đương sự; giấy sao kê của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam do nguyên đơn cung cấp thể hiện giữa hai bên có xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, hình thức và nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật hay trái đạo đức xã hội nên đây là hợp đồng hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

[2.1] Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng vay tài sản, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn; căn cứ giấy sao kê tài khoản có xác nhận của Ngân Hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương cung cấp ngày 03/12/2021 và văn bản cung cấp thông tin ngày 22/3/2022 của Ngân Hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam xác nhận tài khoản số 1013471704 là của ông TM H, địa chỉ ấp Long Phú 1, xã Long Điền B, huyện CM, tỉnh AG được mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam nên có căn cứ xác định giữa bà T và ông H có xác lập hợp đồng vay tài sản. Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện là có căn cứ.

[2.2] Ông TM H trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông H vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa, không cung cấp bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đủ căn cứ để xác định ông H có vay tiền của bà T và vẫn còn nợ tiền vốn là 253.000.000 đồng, nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận. Buộc ông TM H có trách nhiệm trả số tiền 253.000.000 đồng cho bà T là phù hợp.

[3] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 253.000.000 đồng x 5% = 12.650.000 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 227; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; 466; và Điều 357; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L T N T đối với ông TM H.

Buộc ông TM H có trách nhiệm trả số tiền 253.000.000 (hai trăm năm mươi ba triệu) đồng cho bà L T N T.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông TM H phải chịu 12.650.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L T N T số tiền 6.325.000 đồng, tiền tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010021 ngày 11/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh AG.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

**Trần Ngọc Diệu**